

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2016

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:

Ngày 05 tháng 12 năm 2016.

lyc: HƯ (đích địa)
TT ĐBCL (kỹ)
P. CTRV (P/4)
P. DT

HƯỚNG DẪN

KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

HỆ CHÍNH QUY BẰNG THỨ NHẤT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Mục đích

Văn bản này nhằm hướng dẫn các đơn vị đào tạo, hỗ trợ đào tạo trong toàn ĐHQGHN và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy, bằng thứ nhất, trình độ đại học, làm căn cứ:

- Đề xuất biện pháp cải thiện chất lượng đào tạo và quản lý chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm của các đơn vị đào tạo;
- Giám sát hoạt động đảm bảo chất lượng của các đơn vị;
- Cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị và của ĐHQGHN, phục vụ hoạt động đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục các cấp.

2. Yêu cầu

- Công cụ khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy, bằng thứ nhất, trình độ đại học đảm bảo độ tin cậy.
- Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát phải chính xác, tin cậy.
- Người được khảo sát có thái độ khách quan, thẳng thắn trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu.
- Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên chính quy, tốt nghiệp bằng thứ nhất phải đảm bảo đầy đủ các nội dung (phân tích kết quả điều tra dựa trên tình trạng việc làm và khu vực việc làm của sinh viên tốt nghiệp; đánh giá mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp, giữa các kỹ năng và sự thích ứng với công việc; nhận diện những điểm còn yếu so với yêu cầu thực tế; những điểm cần cải thiện về nội dung, phương pháp dạy học và chỉ tiêu tuyển sinh) và được công bố công khai và cập nhật trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

3. Lưu trữ, bảo mật

Tài liệu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy bằng thứ nhất trình độ đại học và cơ sở dữ liệu gốc do Trung tâm/Phòng/Bộ phận ĐBCL của đơn vị chịu trách nhiệm lưu trữ theo quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

4. Đối tượng, mẫu và công cụ khảo sát

- Đối tượng khảo sát: Sinh viên đã tốt nghiệp hệ chính quy bằng thứ nhất trình độ đại học tối thiểu 6 tháng trước thời điểm khảo sát.

- Mẫu khảo sát: 100% sinh viên tốt nghiệp tốt nghiệp hệ chính quy bằng thứ nhất của mỗi ngành học trình độ đại học.

- Công cụ khảo sát: Phiếu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy bằng thứ nhất trình độ đại học trong Phụ lục I.

- Mẫu Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy bằng thứ nhất trình độ đại học, tốt nghiệp, trong Phụ lục II.

5. Quy trình thực hiện

Bước 1. Tháng 10 hàng năm đơn vị đào tạo lập danh sách sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp bằng thứ nhất vào năm học trước đó gồm họ và tên, giới tính, ngành học, số điện thoại còn sử dụng của sinh viên, email.

Bước 2. Đơn vị đào tạo bổ sung các câu hỏi khảo sát việc làm có tính chất đặc thù của đơn vị cho Phụ lục I (nếu thấy cần thiết), sử dụng email để giới thiệu về khảo sát (nội dung, thời gian dự kiến, hình thức khảo sát; Tổ chức phỏng vấn bằng điện thoại (có ghi âm các cuộc phỏng vấn làm tư liệu). Việc phỏng vấn thực hiện gọn trong 1 tháng kể từ khi hoàn thiện danh sách sinh viên tốt nghiệp.

Bước 3. Đơn vị đào tạo làm sạch, nhập dữ liệu vào phần mềm SPSS, kiểm tra và phân tích dữ liệu và tổng hợp thành Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy, bằng thứ nhất, trình độ đại học, theo mẫu trong Phụ lục II.

Bước 4. Thủ trưởng đơn vị gửi Báo cáo theo mẫu Phụ lục IIa về ĐHQGHN (đồng thời qua Ban CT&CTHSSV và Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục), kèm theo phụ lục và minh chứng về phương pháp, quy trình thực hiện báo cáo và danh sách tình trạng việc làm của tất cả sinh viên chính quy, tốt nghiệp bằng thứ nhất, trình độ đại học (để phục vụ việc xác thực thông tin):

- Dữ liệu khảo sát được gửi qua địa chỉ email: kdcl@vnu.edu.vn.

- Trên cơ sở kết quả khảo sát của các đơn vị, Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục, ĐHQGHN tổng hợp Báo cáo kết quả (theo Mẫu Phụ lục IIb) gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Đại học). Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 01 tháng 01 hàng năm (bắt đầu từ 01 tháng 01 năm 2017).

6. Tổ chức thực hiện

Các đơn vị đào tạo chỉ đạo và giám sát thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy bằng thứ nhất trình độ đại học 01 lần/năm và hoàn thành trước ngày 30/11 hàng năm.


Viện ĐBCLGD xây dựng nội dung cốt lõi của Phiếu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy bằng thứ nhất trình độ đại học; tổng hợp Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy bằng thứ nhất trình độ đại học tham mưu cho Giám đốc ĐHQGHN các giải pháp nâng cao về số lượng và chất lượng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên.

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, văn bản này có thể được điều chỉnh dựa trên thực tế triển khai nhằm đảm bảo đạt mục tiêu và hiệu quả của việc khảo sát; đồng thời điều chỉnh theo những yêu cầu mới của công tác đảm bảo chất lượng trong ĐHQGHN. /*AV*

Nơi nhận:

- Giám đốc ĐHQGHN (để báo cáo);
- Các Ban chức năng;
- Các đơn vị đào tạo thuộc ĐHQGHN;
- Lưu: VT, Viện ĐBCLGD, L40.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đức

PHỤ LỤC I.
MẪU PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN
TỐT NGHIỆP HỆ CHÍNH QUY BẰNG THỨ NHẤT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngày khảo sát:

Kính gửi các anh/chị cựu sinh viên,

Chúng tôi, thành viên nhóm khảo sát việc làm của..... đang tiến hành khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của đơn vị. Những ý kiến khách quan thẳng thắn của anh chị sẽ giúp đơn vị nhìn rõ hơn những điểm mạnh, điểm tồn tại của chương trình đào tạo.

Mọi câu trả lời thông tin cá nhân sẽ được đảm bảo giữ kín và chỉ dùng phục vụ cải tiến chất lượng chương trình đào tạo. Chúng tôi xin phép ghi âm các câu trả lời để làm cơ sở phân tích kết quả khảo sát.

Phần I. Các thông tin chung (họ và tên, giới tính, ngành đào tạo lấy và nhập theo danh sách tốt nghiệp)

Phần II. Tình trạng việc làm hiện tại

1. Tình hình việc làm hiện tại:

- Chưa có việc làm
- Đang có việc làm (kể cả đang đi học)
- Tiếp tục đi học (không đi làm)

1a. Nếu chưa có việc làm, lý do là:

- Không có kinh nghiệm Thiếu kiến thức chuyên môn
- Ngoại ngữ kém Tin học kém
- Không biết tìm việc ở đâu Lý do khác:

2. Khu vực việc làm:

- Khu vực nhà nước
- Liên doanh nước ngoài
- Khu vực tư nhân
- Tự kinh doanh/dịch vụ/sản xuất

3. Vị trí việc làm (hiện tại):

- Nhân viên Trưởng nhóm công tác/tác nghiệp
- Quản lý, lãnh đạo Vị trí khác (nêu rõ).....

4. Thời điểm có việc làm (đầu tiên):

- Trước khi tốt nghiệp 6 tháng - 12 tháng
- Dưới 6 tháng Trên 12 tháng

5. Loại hợp đồng công việc (hiện tại):

- | | | | |
|--------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| Dưới 6 tháng | <input type="checkbox"/> | 6 tháng -12 tháng | <input type="checkbox"/> |
| Trên 12 tháng | <input type="checkbox"/> | Không thời hạn | <input type="checkbox"/> |
| Không có hợp đồng: | <input type="checkbox"/> | | |

6. Mức thu nhập hiện tại hằng tháng (lấy trung bình 3 tháng gần nhất):đồng

7. Anh/ chị hãy đánh giá mức độ đáp ứng của các kiến thức và kỹ năng mà anh/chị được đào tạo trong chương trình đã học so với yêu cầu đối với công việc hiện tại. (Sử dụng thang điểm 3: 0 = không đáp ứng; 1 = đáp ứng một phần; 2 = đáp ứng cơ bản)

- | | | | |
|---|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| - Kiến thức lý thuyết chung, đại cương | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Kiến thức, kĩ năng của ngành/chuyên ngành | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Năng lực ngoại ngữ | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Kỹ năng tin học | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Năng lực phân tích, tổng hợp | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Năng lực sáng tạo | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Năng lực tự chủ, làm việc độc lập | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Kỹ năng làm việc nhóm | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |
| - Kỹ năng giao tiếp | 0 <input type="checkbox"/> | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> |

Xin cảm ơn!

**PHỤ LỤC IIa. BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
HỆ CHÍNH QUY BẰNG THỨ NHẤT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (Mẫu này Báo cáo ĐHQGHN)**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

(Tên đơn vị đào tạo)

Điện thoại liên hệ:, Email:.....

Đường link website công khai báo cáo:

Năm tốt nghiệp của Khóa sinh viên được khảo sát.....Mã số Khóa sinh viên được khảo sát:

Tổng số sinh viên tốt nghiệp trả lời/ Tổng số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát.....

Thu nhập trung bình/tháng:.....

A. TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM HIỆN TẠI

TT	Ngành đào tạo (mã số/thí điểm)	Tổng số SVTN	Chia theo giới tính		Tình trạng việc làm hiện tại			Khu vực làm việc				Vị trí việc làm (hiện tại)			
			Nam	Nữ	Tỷ lệ chưa có việc làm (%)	Tỷ lệ đang có việc làm (kể cả đang đi học) (%)	Tỷ lệ tiếp tục đi học (không đi làm) (%)	Khu vực nhà nước (%)	Liên doanh nước ngoài (%)	Khu vực tư nhân (%)	Tự kinh doanh/ dịch vụ/ sản xuất (%)	Nhân viên (%)	Trưởng nhóm công tác/ tác nghiệp (%)	Quản lý, lãnh đạo (%)	Khác (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
Tổng cộng:															

TT	Ngành đào tạo (mã số/thí điểm)	Thời điểm có việc làm so với thời điểm tốt nghiệp				Loại hợp đồng					Mức thu nhập	
		Trước khi tốt nghiệp (%)	Dưới 6 tháng (%)	6 - 12 tháng (%)	Trên 12 tháng (%)	Dưới 6 tháng (%)	6 - 12 tháng (%)	Trên 12 tháng (%)	Không thời hạn (%)	Không có hợp đồng (%)	Dưới 4 triệu đồng/ tháng (%)	Trên 4 triệu đồng/ tháng (%)
(1)	(2)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)
Tổng cộng												

B. MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÔNG VIỆC HIỆN TẠI (báo cáo riêng cho từng ngành đào tạo của đơn vị)

Ngành đào tạo & mã số:

Tổng số sinh viên tốt nghiệp của ngành:.....

Tổng số sinh viên tốt nghiệp trả lời khảo sát của ngành / Tổng số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát của ngành:.....

Tổng số sinh viên chưa có việc làm/Tổng số sinh viên tốt nghiệp của ngành:.....

1. Lý do chưa có việc làm:

Lý do chưa có việc làm	Tỷ lệ %
Không có kinh nghiệm	
Thiếu kiến thức chuyên môn	
Ngoại ngữ kém	
Tin học kém	
Không biết tìm việc ở đâu	
Lý do khác	

2. Mức độ đáp ứng của kiến thức được đào tạo tại trường đại học đối với công việc hiện tại:

Kiến thức	Không đáp ứng (%)	Đáp ứng một phần (%)	Đáp ứng cơ bản (%)
Kiến thức lý thuyết chung, đại cương			
Kiến thức, kỹ năng của ngành/chuyên ngành			
Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học			

3. Mức độ đáp ứng của các kỹ năng/ năng lực được đào tạo tại trường đại học đối với công việc hiện tại:

Kỹ năng/Năng lực	Không đáp ứng (%)	Đáp ứng một phần (%)	Đáp ứng cơ bản (%)
Năng lực ngoại ngữ			
Kỹ năng tin học			
Năng lực phân tích, tổng hợp			
Năng lực sáng tạo			
Năng lực tự chủ, làm việc độc lập			
Kỹ năng làm việc nhóm			
Kỹ năng giao tiếp			

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IIb. BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP (Mẫu này Báo cáo Bộ GD&ĐT)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

(Tên đơn vị đào tạo)

Tên người báo cáo:.....Điện thoại/Email liên hệ:

Đường link website công khai báo cáo:

Năm tốt nghiệp:.....

Trình độ đào tạo: **SINH VIÊN TỐT NGHIỆP HỆ CHÍNH QUY BẰNG THỨ NHẤT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

TT	Ngành đào tạo, mã số	Tổng số SVTN	Chia theo giới tính		Tình trạng việc làm			Tỷ lệ SVTN có việc làm*	Khu vực làm việc			
			Nam	Nữ	Số lượng SVTN có việc làm	Số lượng SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	Số lượng SVTN chưa có việc làm		Khu vực nhà nước	Khu vực tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Tổng cộng:												

Ghi chú: * Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm được tính là: $((SL\ SVTN\ có\ việc\ làm\ (cột\ 6) * SL\ SVTN\ chưa\ có\ việc\ làm\ nhưng\ đang\ học\ nâng\ cao\ (cột\ 7) / tổng\ số\ SVTN\ (cột\ 3)) * 100$

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

